TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀI NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 239/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04-9-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Á và bà Ngô Thị thúy Hồng

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Xuân Diệu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Nhơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Nhơn *tham gia phiên tòa:* Ông Cao Đức Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn TL1, xã TQN, huyện HN, tỉnh BĐ.

2. Bị đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: Thôn TL1, xã TQN, huyện HN, tỉnh BĐ.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; do ông Nguyễn Thanh T – Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện HN (có trụ sở tại Khối 5, thị trấn BS, huyện HN, tỉnh BĐ) làm người đại diện theo ủy quyền.

(Bà L có mặt; ông H, ông T vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và ông H tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TQN ngày 27/10/2011. Trong thời gian chung sống mâu thuẫn vợ chồng xảy ra

nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cãi vã, ông H thiếu quan tâm đến vợ con, mỗi lần nhậu say thường hay gây chuyện, chửi bới, đánh đập. Vì không chịu được nên bà dẫn con về nhà cha mẹ ruột ở từ ngày 14/12/2018 (âm lịch) cho đến nay và kể từ đó vợ chồng sống xa cách nhau, không ai quan tâm gì đến ai. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể sống chung trở lại được, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Minh Th1 - sinh ngày 01/11/2013 và cháu Đỗ Nguyễn Minh Th2 - sinh ngày 13/8/2016, sau ly hôn bà yêu cầu được nuôi cháu Th1, giao cháu Th2 cho ông H nuôi dưỡng như từ bấy lâu nay và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung có 60.000.000 đồng hiện ông H đang quản lý sử dụng, trong quá trình tố tụng bà yêu cầu ông H phải giao cho bà 30.000.000 đồng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà xin rút toàn bộ yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án phải giải quyết nữa.

- Bị đơn ông Đỗ Văn H vắng mặt tại phiện tòa, nhưng theo các lời khai trong quá trình tố tụng ông H khai: Ông và bà L tự nguyện kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TQN ngày 27/10/2011. Sau kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình bên chồng, mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cãi vã, thời gian ông đi biển bị bắt ở Philippin bà L vẫn không lo lắng gì, nay bà L yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn. Sau ly hôn ông yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con, nếu bà L không đồng ý thì ông giao cả hai con chung cho bà L nuôi dưỡng và ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung có 12.000.000đồng, sau đó ông vay của Ngân hàng chính sách 50.000.000đồng để ông hùn làm lò gạch không nung, nay ly hôn ông chỉ chấp nhận giao lại cho bà L 6.000.000đồng, còn 50.000.000 đồng tiền vay của ngân hàng ông tự trả nợ.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình tố tụng ông Nguyễn Thanh T trình bày: Ngày 13/5/2018 ông H vay của ngân hàng 50.000.000đồng, với lãi suất trong hạn 7,92%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn vay 48 tháng, kỳ hạn trả nợ 12 tháng/lần, hạn trả nợ cuối cùng 13/5/2022. Về phía ngân hàng anh H là người phải có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng khi đến hạn. Vì bận công tác nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L; giao cháu Th1 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Th2 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con và đình chỉ giải quyết về chia tài sản khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn",* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Đỗ Văn H có địa chỉ cư trú tại thôn TL1, xã TQN, huyện HN, tỉnh BĐ. Do đó Tòa án nhân dân huyện Hoài Nhơn thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân dân sự.

[2] Bị đơn ông Đỗ Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách ông Nguyễn Thanh T vì bận công tác nên có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt.

[3] Bà L và ông H tự nguyện kết hôn có đăng ý tại Ủy ban nhân dân xã TQN ngày 27/10/2011 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống mâu thuẫn xảy ra nguyên nhân là do tính tình không hợp nên vợ chồng thường hay cãi vã, thiếu sự quan tâm lẫn nhau, rồi bà L bỏ về nhà cha mẹ vợ ở từ ngày 14/12/2018 (âm lịch) cho đến nay. Kể từ đó vợ chồng không còn sống chung, làm cho mâu thuẫn ngày càng gay gắt và phai nhạt tình cảm vợ chồng, rồi dẫn đến thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn giữa bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có căn và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Bà L và ông H có 02 con chung là cháu Đỗ Nguyễn Minh Th1 - sinh ngày 01/11/2013 và cháu Đỗ Nguyễn Minh Th2 - sinh ngày 13/8/2016. Hiện tại cháu Th1 do bà L nuôi dưỡng, cháu Th2 do ông H nuôi dưỡng. Để các cháu được chăm sóc và nuôi dưỡng ổn định Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L: Giao cháu Th1 do bà L trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Th2 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng như từ bấy lâu nay và không ai phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với qui định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về chia tài sản khi ly hôn, bà L đã tự nguyện xin rút toàn bộ yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa và được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử là có căn cứ và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ BTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đỗ Văn H thuận tình ly hôn.

2.Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Nguyễn Minh Th1 - sinh ngày 01/11/2013 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đỗ Nguyễn Minh Th2 - sinh ngày 13/8/2016 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà L, ông H có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, sau ly hôn các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về chia tài sản: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

4. Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước. Bà L đã tạm ứng đủ theo biên lai thu số 0008418 ngày 01/3/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Nhơn nên được tính trừ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại Uỷ ban nhân dân xã TQN, để Toà án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hoài Nhơn;
- Đương sự;
- UBND xã TQN;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Vinh